

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần T, Phó Chủ tịch; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch UBND huyện Z, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương T, Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần T, Phó Chủ tịch; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị X, chị Nguyễn T, chị Nguyễn P; cùng địa chỉ: Tổ 3B, thị trấn Z, thị xã Z, tỉnh H. Có mặt chị Linh tại phiên tòa.

- Bà Lê Thị H; địa chỉ: Số nhà 040, đường M, phường P thành phố H, tỉnh H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và trình bày của ông Nguyễn Văn A và đại diện theo ủy quyền tại Tòa án cấp sơ thẩm có nội dung:

Gia đình ông A có 02 thửa đất sử dụng liên tục từ ngày 05/3/1973, ranh giới ổn định, không thay đổi vị trí, không tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 15/6/1990 và ngày 31/12/2003. Năm 2005 Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Z đã tiến hành thu hồi diện tích đất của gia đình ông A, ban hành Quyết định thu hồi và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường tại thời điểm thu hồi ngày 09/6/2005 thửa đất thứ 01 có diện tích 263,3m², thửa đất thứ 02 có diện tích 1.583m², thửa đất thứ 03 đất thổ cư có diện tích 149,5m². Tổng diện tích đất thu hồi 1.995,8m². Tự đo vẽ tổng diện tích như sau: 1.995,8m² + 156,3m² = 2.052,1m².

Tuy nhiên, quá trình UBND huyện Z thu hồi đất, lập biên bản kiểm đếm số lượng đất đai hoa màu có sự vi phạm. Diện tích các thửa đất theo biên bản khám nghiệm hiện trường của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Z ngày 24/4/2013 xác định như sau: Thửa đất số 01 diện tích 866,3m² diện tích đất vườn trong khu dân cư sử dụng ổn định; Thửa đất số 02 diện tích 1.836,1m² diện tích đất ở trong trường hợp đất có vườn ao đang có nhà ở so với diện tích thu hồi của UBND huyện Z. Tổng diện tích của 02 thửa đất 2.702,7m² chênh lệch 652,1m² so với diện tích đất UBND huyện Z thu hồi năm 2005.

Năm 2018, UBND huyện Z đã tiến hành lại trình tự thu hồi, bồi thường về đất đối với hộ gia đình ông và ngày 22/10/2018, UBND huyện Z ban hành *Quyết định số 1341/QĐ-UBND “về việc thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng chợ văn hóa - bến xe khách thị trấn Z, huyện Z”* (sau đây viết tắt là Quyết định số 1341/QĐ-UBND) có nội dung thu hồi tổng số 1.905,5m² bao gồm 480m² đất ở đô thị và 1.425,5m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác và ban hành *Quyết định số 1340/QĐ-UBND*

ngày 22/10/2018 của UBND huyện Z về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng chợ văn hóa - bến xe khách thị trấn Z, huyện Z (sau đây viết tắt là Quyết định số 1340/QĐ-UBND).

Ông A không đồng ý với 2 Quyết định nêu trên với lý do:

Hộ ông A đủ điều kiện được bồi thường đối với đất ở khi bị thu hồi theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 100, Điều 103 Luật đất đai năm 2013. Theo hướng dẫn tại Văn bản số 1653/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 17/9/2018 của Tổng Cục quản lý đất đai Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xác định diện tích đất ở khi Nhà nước thu hồi đất thì gia đình ông A được bồi thường đối với đất ở được xác định bằng 5 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật đất đai và Nghị định 43/2014-NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Căn cứ theo quy định tại Điều 57, khoản 1 Điều 79 Luật đất đai thì gia đình ông A đang sử dụng đất ở, có đủ điều kiện được bồi thường đất ở khi Nhà nước thu hồi. Căn cứ khoản 2 Điều 86 Luật đất đai quy định về việc bố trí tái định cư cho người có đất bị thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở. Hộ gia đình ông A phải được bồi thường với diện tích 600m² đất ở đô thị nhưng UBND huyện Z chỉ bồi thường cho hộ ông A 480m² thiếu 120m² theo quy định. Tại phiên đối thoại ngày 16/7/2019 và phiên tòa sơ thẩm, ông A và đại diện theo ủy quyền cho rằng 1.905,5 m² của gia đình đủ điều kiện xác định là đất ở và được bồi thường với giá đất ở.

Về diện tích đất thu hồi: Thửa đất số 01 diện tích 655,6m²; Thửa đất số 02 diện tích 1.249,9m² diện tích đất ở trong trường hợp có vườn ao đang có nhà ở của ông Nguyễn Văn A và diện tích 149,5m², con trai anh Nguyễn Văn A1 diện tích 156,3m². Tổng diện tích đất: 2.211,3 m², chênh lệch 491,1m² so với biên bản khám nghiệm hiện trường của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Z ngày 24/4/2013. Ngoài ra, từ năm 2002, ông A đã làm thủ tục tặng cho hai con gái là chị Nguyễn P và chị Nguyễn T mỗi người một phần đất nhưng quyết định phê duyệt phương án bồi thường lại chỉ giao cho mỗi người con một lô đất có thu tiền sử dụng đất là không đúng.

Ông A cho rằng UBND huyện Z làm giả sơ đồ thu hồi đất, cấp 03 GCNQSDĐ xâm lấn, cấp chông trên diện tích đất vườn trong khu dân cư 603m² cùng thời điểm Công an huyện Z đang tiến hành điều tra, chưa có quyết định thu hồi đất, chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất chưa có mặt bằng sạch. Vì lợi nhuận UBND huyện Z chuyển đổi từ đất ở có đủ điều kiện được bồi thường đất ở sang đất nông nghiệp để bồi thường cho gia đình ông A đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông A, đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 3; Điều 4; Khoản 1, 2, 3 Điều 11; Khoản 1, 2, 3, 4, 8, 9, 10 Điều 12; Điều 53; khoản 1 Điều 73; khoản 1 Điều 75; khoản 2 Điều 79; khoản 2 Điều 74; khoản 2 Điều 86; khoản 2, 5 Điều 98; Điều 100; khoản 1, 2 Điều 103; điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 112; điểm b, c khoản 1 Điều 118 Luật đất đai năm 2013. Khoản 1 Điều 61, điểm a, b khoản 1 Điều 62 Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ

ngày 29/10/2004.

Theo quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh H về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 09/4/2015 của UBND tỉnh H. Xác định giá đất ở tại đô thị đường N1 26.000.000đ/1m², đường N2 là 23.000.000đ/1m². Tuy nhiên Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng UBND huyện Z lại tính theo hệ số 04 đất vùng lõi dự án theo quyết định số 13/2015/QĐ-UBND với giá đất 4.500.000 đồng/1m² là trái quy định tại Điều 26 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngoài ra, UBND huyện Z giao đất cho chủ đầu tư để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh, cấp GCNQSDĐ khu nhà biệt thự, khu nhà liền kề, trung tâm thương mại, khu du lịch thì không được xác định đất sử dụng cho mục đích công cộng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính Phủ và thông tư 06/2009/TT-BTNMT ngày 18/6/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Từ những căn cứ trên ông Nguyễn Văn A đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1341/QĐ-UBND và hủy Quyết định số 1340/QĐ-UBND cùng ngày 22/10/2018 của UBND huyện Z.

Ý kiến của người bị kiện là UBND huyện Z:

Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn Z, trong đó phải thu hồi diện tích 1.905,5m² của ông Nguyễn Văn A.

Ngày 28/5/2018, Tổ công tác tiến hành thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản, hoa màu của hộ ông Nguyễn Văn A, ông A đã thống nhất số liệu do tổ công tác kiểm đếm và ký xác nhận vào biên bản kiểm đếm.

Ngày 20/8/2018, UBND huyện Z ban hành Quyết định số 911/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa- Bến xe khách thị trấn Z đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn A với tổng diện tích 1.905,5m², trong đó: 149,5m² đất ở đô thị, 1.756m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác, đồng thời phê duyệt phương án bồi thường cho ông Nguyễn Văn A tại Quyết định số 910/QĐ-UBND cùng ngày với số tiền 2.375.967.925 đồng, và bố trí 01 suất tái định cư cho ông A và 02 suất đất có thu tiền sử dụng đất cho hai con gái của ông A.

Ngày 05/10/2018, Tổ công tác tiến hành thống kê kiểm đếm bổ sung các hạng mục còn thiếu cho hộ gia đình ông A.

Không nhất trí với diện tích đất ở là 149,5m² khi thu hồi, hộ gia đình ông A đã kiến nghị việc bồi thường đất ở cho hộ gia đình.

UBND huyện Z đã xin ý kiến của Tổng cục quản lý đất đai về việc xác định diện tích đất ở, ngày 17/9/2018 tổng cục quản lý đất đai có Văn bản số 1653/TCQLĐĐ – CKTPTQĐ về việc xác định diện tích đất ở khi Nhà nước thu hồi đất gửi UBND huyện Z.

Căn cứ văn bản hướng dẫn của Tổng cục quản lý đất đai, ngày 22/10/2018 UBND huyện Z ban hành Quyết định số 1341/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn A với tổng diện tích 1.905,5m² bao gồm 480m² đất ở đô thị và 1.425,5m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác thay thế quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/8/2018. Đồng thời ban hành Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn A thay thế quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 20/8/2018. Lý do ông A chỉ được nhận bồi thường 480m² đất ở đô thị là do trong quá trình sử dụng đất ông A đã tặng cho con trai ông là Nguyễn Văn A1 diện tích 156,3m² từ năm 2002.

Hộ ông Nguyễn Văn A được phê duyệt kinh phí bồi thường với số tiền 4.554.187.236 đồng theo Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 22/10/2018.

Căn cứ Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường đã được UBND huyện Z phê duyệt, ngày 30/10/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Z thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Văn A. Hộ ông Nguyễn Văn A đã nhận trước số tiền là 4.000.000.000 đồng và số tiền còn lại là 554.187.236 đồng gia đình thống nhất để nhận sau. Đến ngày 30/10/2018 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Z đã chuyển khoản số tiền nói trên vào số tài khoản của ông Nguyễn Văn A theo biên bản ngày 30/10/2018. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn A cam kết di chuyển tài sản, bàn giao mặt bằng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được tiền, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại hộ ông Nguyễn Văn A vẫn chưa thực hiện việc di chuyển tài sản và bàn giao mặt bằng cho UBND huyện Z để thực hiện dự án.

Như vậy, mọi quyền lợi của hộ gia đình ông Nguyễn Văn A đã được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, ông A đã nhận tiền và cam kết bàn giao mặt bằng, nhưng hộ gia đình chưa thực hiện, do đó việc ông A yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh H tuyên hủy định số 1341/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 và quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND huyện Z là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Xu chị Nguyễn P, chị Nguyễn T nhất trí quan điểm khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A

2. Về án phí: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 0000434 ngày 02/5/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Ông Nguyễn Văn A phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông A đã nộp đủ số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tại Tòa án.

Bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 12/12/2019, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn A và đại diện theo ủy quyền của ông A giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy Quyết định số 1340/QĐ-UBND và quyết định 1341/QĐ-UBND của UBND huyện Z với lý do đã thực hiện không đúng trình tự, thủ tục nên đã xác định thiếu diện tích thực tế thu hồi, xác định không đúng loại đất, gây thiệt hại cho gia đình ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án về nội dung: UBND huyện Sapa đã thu hồi và bồi thường đúng quy định, bảo đảm quyền lợi cho ông A. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, kết quả tranh tụng, thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện ngày 08/4/2019 của ông Nguyễn Văn A yêu cầu hủy Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND huyện Z về việc thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng chợ văn hóa - bến xe khách thị trấn Z, huyện Z; Hủy quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của UBND huyện Z về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện công trình xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng chợ văn hóa - bến xe khách thị trấn Z, huyện Z là đúng quy định tại Điều 204 Luật đất đai và Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Kháng cáo của ông Nguyễn Văn A hợp lệ, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn A:

[2.1] Về căn cứ ban hành quyết định và thẩm quyền:

Ngày 04/5/2004, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 213/2004/QĐ-

UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu Chợ văn hóa và Bến xe khách Z, với tổng diện tích 680.202m². Trên cơ sở quy hoạch đã được phê duyệt, UBND tỉnh H đã ban hành các Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 20/6/2005, Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 15/6/2006, Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 07/8/2006 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Dự án, với diện tích dự án 30,01 ha, mục đích hình thành một khu dân cư đô thị mới, mở rộng đô thị, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa thị trấn Z, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đồng thời tạo quỹ đất để bố trí các công trình công cộng và bố trí đất tái định cư. Nên đây là dự án có mục đích phục vụ lợi ích công cộng, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật đất đai 2003 (sau này là điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013, UBND huyện thu hồi và thực hiện bồi thường, hỗ trợ; không thuộc trường hợp chủ đầu tư thỏa thuận bồi thường với hộ dân có đất thu hồi. UBND huyện Z ban hành Quyết định số 1340/QĐ-UBND, Quyết định số 1341/QĐ-UBND cùng ngày 22/10/2018 là đúng thẩm quyền điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai.

[2.2] Về trình tự thủ tục:

Ngày 28/5/2018 UBND huyện Z đã tiến hành kiểm đếm số lượng đất đai, tài sản, hoa màu của hộ ông Nguyễn Văn A và lập Biên bản kiểm đếm; ngày 05/10/2018 tiến hành kiểm đếm bổ sung (bút lục số 269 và 247 hồ sơ vụ án). Ông A ký các biên bản này. Biên bản kiểm đếm gồm 09 trang, có sơ đồ kèm theo, có đầy đủ các thành phần và ông A đều ký vào từng trang biên bản. Ông A cho rằng chỉ ký xác nhận tài sản trên đất không ký xác nhận diện tích và nêu ra có chênh lệch đo đạc năm 2005, 2013 nhưng biên bản kiểm đếm ngày 28/5/2018 là căn cứ để giá trị pháp lý để ban hành quyết định thu hồi, bồi thường về đất đối với hộ gia đình theo quy định của Luật đất đai. Phương án bồi thường, hỗ trợ đất thu hồi đã được công khai và UBND huyện Z đã ban hành các Quyết định nêu trên là đúng quy định về trình tự, thủ tục.

[2.3] Về nội dung:

-Về diện tích đất thu hồi: Nguồn gốc theo ông A là do nhận chuyển nhượng của ông Vũ Ngọc Bình ngày 15/10/1977 với tổng diện tích nhà và vườn ao là 1.950m², gia đình ông A cũng xác định không khai phá thêm.

Thực tế thì ngày 15/6/1990 ông A được UBND huyện Z cấp GCNQSDĐ diện tích 720m² nhà và đất vườn (trong đó có 540 m² nhà ở + vườn; 180 m² trồng được). Ông A cho rằng trước năm 2003, ông đã cho con trai là anh A1, cho con gái là chị L, chị N mỗi người một phần đất làm nhà ở nhưng chỉ xuất trình được giấy tờ viết tay, không có xác nhận của cấp có thẩm quyền và không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, tách thửa theo quy định. Đến ngày 31/12/2003, UBND huyện Z cấp lại GCNQSDĐ diện tích đất ở với diện tích đất ở 149m², ông A không có ý kiến gì. Trên thực tế, vợ chồng ông và gia đình các con ở nhà riêng nhưng sinh sống trên cùng thửa đất (theo quyết định thu hồi năm 2018). Phần anh A1 sử dụng đã có Quyết định thu hồi, anh A1 đã nhận tiền bồi thường xong.

Các tài liệu đo đạc kiểm đếm thể hiện diện tích đất thu hồi là 1.905,5m² (gồm

đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: 1.756,0m²; đất ở đô thị: 149,5m²) và các tài sản trên đất. Mặt khác, cộng với diện tích đất đã bồi thường cho hộ gia đình trước năm 2018 thì tổng diện tích cũng lớn hơn 1.950m² đất ông A đã nhận chuyển nhượng năm 1977.

Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 12/11/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện thửa 1 đo theo ranh giới do ông A chỉ có diện tích 966,4 m², VPĐK đất đai đã lồng ghép bản đồ thu hồi đất của ông A và xác định có 341m² không thuộc thửa 1 (diện tích 655,6 m²) thu hồi tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND, trong 341 m² có 0,75 m² nằm trong GCNQSDĐ của bà Lê Thị H. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện UBND huyện Z cũng trình bày trong trường hợp ông A chứng minh được của gia đình ông A, sử dụng ổn định và không có tranh chấp, ông A có quyền yêu cầu UBND huyện Z ra Quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường bổ sung.

Do đó, kháng cáo của ông A cho rằng UBND huyện Z thu hồi và bồi thường thiếu diện tích đất là không có cơ sở.

- Về xác định diện tích đất ở:

Căn cứ GCNQSDĐ đất cấp năm 1990, hiện trạng sử dụng đất, hộ gia đình ông A đủ điều kiện quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100; khoản 2 Điều 103; khoản 6 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, hộ gia đình ông A đủ điều kiện công nhận đất ở = 5 lần hạn mức = 120m² x 5 = 600 m². Do năm 2012, UBND huyện Z đã thu hồi một phần thửa đất của hộ gia đình ông có diện tích 156,3 m² đất đang do anh Cường (con trai ông A) sử dụng và xác định có 120m² là đất ở, 36,3m² là đất vườn, đã bồi thường cho anh Đức; nên phần còn lại của thửa đất số 1 thu hồi năm 2018, UBND huyện Z xác định còn lại 480 m² đất ở là đúng quy định nêu trên và hướng dẫn tại Văn bản số 1653/TCQLĐĐ ngày 17/9/2018 của Tổng cục quản lý đất đai, Bộ Tài nguyên và môi trường. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông A xác định toàn bộ diện tích 1.905,5m² là đất ở là có căn cứ.

- Về vị trí đất thu hồi: Đất của gia đình ông A thuộc vùng lõi Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn Z. Khi dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn Z chưa triển khai thực hiện khu vực trên chưa có cơ sở hạ tầng. Trong quá trình thống kê, bồi thường để thực hiện dự án, những hộ dân đã thu hồi trước khi Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh H được ban hành thì việc bồi thường được thực hiện theo Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND tỉnh H, vùng lõi chợ văn hóa được áp giá là 2.000.000đ/m². Khi UBND huyện Z thu hồi đất của ông A, Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh H đã có hiệu lực. Theo Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND, đất vùng lõi chợ Văn hóa - Bến xe giá bồi thường 4.500.000đ/m² x 1.5 = 6.750.000đ/m². Lúc này cơ sở hạ tầng đã hoàn thiện và được gọi là tuyến đường N2. Vì vậy UBND huyện Z bồi thường đất cho gia đình ông A theo giá vùng lõi chợ Văn hóa - Bến xe là có căn cứ, đúng quy định. Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận kháng cáo của ông A được bồi thường

với giá 23.200.000đ/ m² là đúng.

- Về tái định cư: Năm 2002, ông A tặng cho các con đất làm nhà ở riêng trên đất nhưng không làm thủ tục chuyển quyền, không tách thửa. Khi thu hồi đất của hộ gia đình, UBND huyện Z xác định hộ gia đình đủ điều kiện được 03 suất đất tái định cư trong đó 01 suất cho ông A không thu tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2017/NĐ-CP; 02 suất đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho chị N, chị L là đúng quy định tại Điều 79 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 4; Điều 4, 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 9/4/2015 của UBND tỉnh H.

Quyết định số 1340/QĐ-UBND phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông A 480m² đất ở; 1.425,5m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác với tổng số tiền bồi thường 4.645.270.980 đồng, là đúng quy định và đã bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ gia đình.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông A hủy quyết định số 1340/QĐ-UBND và Quyết định 1341/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 là đúng

[3] UBND huyện Z đã ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường đối với đất thu hồi đối với hộ ông Nguyễn Văn A, nhưng gia đình không tự nguyện bàn giao đất. Đến ngày 28/5/2019 UBND huyện Z ban hành quyết định số 644/QĐ-UBND về việc thành lập ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn A đồng thời mời ông A đến vận động thuyết phục nhưng ông A không đến. Sau đó UBND huyện Z ban hành phương án số 1318/PA-BCC cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 17/5/2019 Chủ tịch UBND huyện Z ban hành quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn A theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013. Ông A cũng đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 4 tỷ đồng, số còn lại hiện đang được gửi kho bạc

[4] Ông Nguyễn Văn A kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ tài liệu chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo và ông phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn A. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng, được trừ đi 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tạm ứng số AC/2012/0001484 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/11/2020.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh H ;
- TAND tỉnh H (kèm hồ sơ);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh H;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương